

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS - PT
Ngày 12 - 4 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiếm;

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Lộc Sơn Thái;

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2018/TLPT- DS, ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐ-PT, ngày 25 tháng 12 năm 2018, Thông báo chuyển ngày xét xử số: 01/2019/QĐ-PT ngày 11/01/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện H1, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người được ủy quyền của nguyên đơn: Bà D, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn M I, xã S, huyện H1, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông T - Luật sư Văn phòng luật sư T1 - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn N1, xã S, huyện H1, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông T2 - Luật sư của Chi nhánh Văn phòng luật sư T2 tại Lạng Sơn, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà D, sinh năm: 1957. Địa chỉ: Thôn M I, xã S, huyện H1, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn Chị Hoàng Thị H trình bày: Bà Nguyễn Thị N có quen biết với bà D là mẹ đẻ của chị từ trước. Ngày 20/2/2015 âm lịch (tức ngày 08/4/2015 dương lịch) tại nhà bà D (mẹ đẻ chị) chị đã cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), có lập giấy tờ vay do bà Nguyễn Thị N tự tay viết, có thỏa thuận lãi suất là 3,0%/tháng, 03 tháng trả lãi một lần, nếu không trả được thì số tiền lãi cộng vào gốc và nhận phạt 10%, thời hạn vay là 01 năm phải trả hết. Hết thời hạn vay, chị đã nhiều lần đòi nhưng bà Nguyễn Thị N không trả. Nay chị khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải trả cho chị số tiền nợ gốc là 250.000.000đ và lãi phát sinh bằng 150 % lãi suất do Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định kể từ ngày vay 20/2/2015 âm lịch (tức ngày 08/4/2015 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm. Việc vay mượn giữa chị và bà Nguyễn Thị N là hoàn toàn tự nguyện, nay bà Nguyễn Thị N khai giấy vay nợ là do bà D ép viết là không có căn cứ vì khi viết giấy vay chỉ có chị và bà Nguyễn Thị N. Chị khẳng định thời điểm lập giấy vay nợ ngày 20/02/2015 là ngày âm lịch, không phải dương lịch.

Theo bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà không được vay tiền của Chị Hoàng Thị H như Chị Hoàng Thị H và bà D khai. Giấy vay nợ lập ngày 20/2/2015 đúng là do bà viết khi sức khỏe bình thường, minh mẫn. Tuy nhiên số tiền nợ trên là bà nợ của bà D và bà D yêu cầu bà viết giấy chuyển khoản nợ sang cho con gái bà D là Chị Hoàng Thị H. Nội dung trong giấy vay nợ đó là do bà D đọc cho bà viết, sau khi đã có lời lẽ chửi bới, đập bàn ghế, dọa không cho về nếu không viết giấy vay nợ. Sau khi viết xong Chị Hoàng Thị H cầm giấy vay bảo đi phô tô nhưng bà đợi mãi vẫn không thấy quay lại nên bà đi về, bà không được nhận tiền của Chị Hoàng Thị H. Khi bà D ép bà viết giấy vay nợ có mặt chồng và hai người con gái của bà D biết nhưng không ai nói gì. Chị Z có đến nhà bà D cùng bà 01 lần nhưng đến sau ngày lập giấy vay tiền, cụ thể ngày nào nay bà không nhớ, khi bà D ép bà viết giấy vay chị Z không có mặt. Ngày lập giấy vay ghi 20/2/2015 dương lịch là do bà D đọc cho bà viết, bà không biết âm lịch là ngày nào nhưng bà khẳng định ngày đó không phải là ngày mùng 2 tết âm lịch. Sau khi viết giấy vay nợ về bà cũng không kể lại sự việc bị bà D ép viết giấy vay nợ và cũng không trình báo cơ quan chức năng nào để can thiệp giải quyết. Sau khi biết bà D yêu cầu viết giấy vay nợ là để lừa bà một khoản nợ phải trả hai lần, bà có làm đơn lên công an huyện Hữu Lũng can thiệp, giải quyết nhưng công an huyện trả lời giao dịch giữa các bên là giao dịch dân sự nên hướng dẫn bà làm đơn khởi kiện tại Tòa án. Nay Chị Hoàng Thị H yêu cầu bà

thanh toán khoản nợ trên bà không đồng ý vì bà không được vay tiền của Chị Hoàng Thị H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà D trình bày: Ngày 20/2/2015 âm lịch (tức ngày 08/4/2015 dương lịch) con gái của bà là Hoàng Thị H đã cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền là 250.000.000đ, địa điểm giao tiền là tại thôn M I, xã S huyện H1, tỉnh Lạng Sơn là nhà riêng của bà, khi đó gia đình bà không ai ở nhà. Trước đây do quen biết nên bà đã cho bà Nguyễn Thị N vay tiền nhiều lần, nhưng không liên quan đến con gái bà. Việc bà Nguyễn Thị N vay tiền của con gái bà, bà không được biết và bà không được ép bà Nguyễn Thị N viết giấy nợ như bà Nguyễn Thị N khai. Việc con gái bà cho bà Nguyễn Thị N vay tiền bà chỉ nghe con gái nói lại khi con gái nhờ bà đưa đến nhà bà Nguyễn Thị N đòi tiền, lúc đó còn 01 tháng nữa là hết hạn trả nợ.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Hoàng Thị H, buộc bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm thanh toán cho Chị Hoàng Thị H số tiền nợ cả gốc và lãi là 341.312.500đ (Ba trăm bốn mươi một triệu, ba trăm mười hai ngàn, năm trăm đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng cho hoạt động trung cầu giám định với tổng số tiền là 6.050.000đ. Số tiền trên bà Nguyễn Thị N đã thanh toán đủ trong quá trình tiến hành tố tụng.

Về án phí: Buộc Chị Hoàng Thị H phải chịu 1.581.000đồng (Một triệu năm trăm tám mươi một ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung ngân sách Nhà nước. Số tiền án phí Chị Hoàng Thị H phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/04659 ngày 26/3/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H1, tỉnh Lạng Sơn, sau khi khấu trừ, hoàn trả cho Chị Hoàng Thị H 4.669.000đồng (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng) án phí đã nộp.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 17.065.600đ (Mười bảy triệu không trăm sáu mươi năm ngàn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án.

Ngày 09/11/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N giữ nguyên kháng cáo, không chấp nhận trả nợ vì cho rằng không được vay nợ của Chị Hoàng Thị H.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Kháng cáo toàn bộ bản án, nhận định đánh giá của Bản án sơ thẩm không khách quan, không xem xét đến chứng cứ lý lẽ mà bên bị đơn đưa ra, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của Chị Hoàng Thị H, căn cứ như sau: Bà Nguyễn Thị N không vay tiền của Chị Hoàng Thị H, bà Nguyễn Thị N vay tiền của bà D nhiều lần, bà D đòi tiền bà Nguyễn Thị N; bà Nguyễn Thị N không có khả năng thanh toán, bà D đập bàn, dọa dẫm, ép buộc bà Nguyễn Thị N viết giấy nợ tiền, chuyển từ việc bà Nguyễn Thị N nợ bà D sang nợ Chị Hoàng Thị H là con của bà D; sau khi viết xong giấy nợ tiền thì bà D không trả lại giấy nợ cũng như gạch sổ nợ giữa bà Nguyễn Thị N và bà D để bà D đòi tiền bà Nguyễn Thị N phải trả nợ hai lần; giấy vay nợ ghi ngày 20/02/2015 do bà Nguyễn Thị N viết, nhưng ngày 20/2/2015 dương lịch ghi trong giấy vay là ngày mùng 02 tết âm lịch cổ truyền, dân gian thường rất kiêng kỵ việc cho vay mượn tiền nên không có việc bà Nguyễn Thị N vay tiền Chị Hoàng Thị H vào ngày này, càng không thể có việc Chị Hoàng Thị H gặp bà Nguyễn Thị N ở Ngân hàng vì đó là ngày nghỉ các ngân hàng không làm việc. Hơn nữa, Chị Hoàng Thị H là giáo viên mầm non học bán trú về nguyên tắc Chị Hoàng Thị H phải đứng lớp suốt giờ hành chính nên không thể ra Ngân hàng và gặp bà Nguyễn Thị N lúc 15 giờ 30 phút chiều. Chị Hoàng Thị H là giáo viên, có trình độ hiểu biết nhất định, khi bà Nguyễn Thị N viết giấy vay chị được chứng kiến nên không thể nói bà Nguyễn Thị N ghi nhầm ngày âm và ngày dương; Bà Nguyễn Thị N không có khả năng trả nợ bà D thì con gái bà D là Chị Hoàng Thị H không có lý gì lại cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền lớn; từ ngày 20/02/2015 Chị Hoàng Thị H cầm giấy vay nợ cho đến khoảng tháng 6/2016 không có phản ứng gì về nội dung ghi trong giấy nợ; bà Nguyễn Thị N không làm giả giấy tờ, ghi chèn vào giấy nợ để nộp làm chứng cứ chứng minh chuyển chủ nợ từ bà D sang con bà D là Chị Hoàng Thị H, đây là sổ theo dõi của bà Nguyễn Thị N có bà D ký khi trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị N tự ghi vào mang tính chất ghi chú để tự bà Nguyễn Thị N biết, việc đánh giá chứng cứ là do Tòa.

Tại phiên tòa, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà D không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị N và yêu cầu giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm, vì: Không có việc chuyển chủ nợ từ bà D sang cho Chị Hoàng Thị H để đòi nợ bà Nguyễn Thị N hai lần phải trả nợ; bà Nguyễn Thị N vay tiền Chị Hoàng Thị H lúc nào thì bà D không biết; bà D cho bà Nguyễn Thị N vay tiền thì Chị Hoàng Thị H cũng không biết; bà Nguyễn Thị N đã khẳng định tại biên bản phiên tòa sơ thẩm là bà Nguyễn Thị N ghi ngày âm, trong các giao dịch vay nợ bà Nguyễn Thị N hay ghi ngày âm; không có việc ép buộc bà Nguyễn Thị N viết giấy vay nợ, đây là bà Nguyễn Thị N tự viết đã được công an huyện Hữu Lũng kết luận không có căn cứ khẳng định là bà Nguyễn Thị N bị ép buộc viết giấy vay nợ; đã có kết luận giám định chữ viết; đã có chị Z làm chứng tại Công an huyện Hữu Lũng; ngoài ra bà Nguyễn Thị N còn làm giả giấy tờ, ghi chèn vào giấy nợ

để nộp làm chứng cứ chứng minh chuyển chủ nợ từ bà D sang con bà D là Chị Hoàng Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, về việc chấp hành pháp luật tố tụng, cụ thể như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tại các bản khai và biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị N đã thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy vay nợ ngày 20/02/2015 dương lịch là của bà, tinh thần trạng thái của bà khi viết giấy vay nợ nêu trên hoàn toàn minh mẫn. Đồng thời theo Kết quả giám định tại bản kết luận số 238 ngày 01/10/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an thì “chữ ký, chữ viết (trừ chữ ký, chữ viết tại mục người cho vay) trong giấy vay nợ đề ngày 20/02/2015 là của bà Nguyễn Thị N” và Thông báo về kết quả xác minh của Công an huyện Hữu Lũng ngày 25/4/2017 thì “Quá trình viết giấy vay nợ chỉ có hai người là bà Nguyễn Thị N và chị Hoàng Thị H không có người thứ ba chứng kiến; bà Nguyễn Thị N tự viết giấy vay nợ, tự ký nhận, không bị ai đe dọa, đánh đập, khống chế và thời điểm này bà Nguyễn Thị N có đủ điều kiện năng lực, hành vi dân sự. do đó, việc bà Nguyễn Thị N phản ánh bà D cùng con gái là cô Hoàng Thị H giáo viên trường Tiểu học xã C ép buộc bà viết giấy vay nợ là không có cơ sở”.

Ngoài ra, tại các lời khai của bà Nguyễn Thị N có sự mâu thuẫn về thời gian, về việc những người trong gia đình bà D có mặt ép bà Nguyễn Thị N viết giấy vay nợ, thể hiện như sau: Tại bút lục 34, 35 bà Nguyễn Thị N khai: “Khi bà D ép tôi viết giấy vay nợ thì có mặt chồng bà D, hai con bà D là Hoàng Thị H và một người con bà không nhớ tên”, nhưng bản tự khai ngày 24/4/2018 (BL24) bà Nguyễn Thị N khai: “Ngày 20/02/2015 tại nhà riêng của bà D ở thôn M I, xã S, huyện H1 bà D và con gái bà là Hoàng Thị H đề nghị tôi viết giấy nợ, tại thời điểm viết bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà D trả lại giấy nợ cũ nhưng bà D lấy lý do chồng bà D đi vắng, không có chìa khóa kết nên không trả được”.

Việc vay nợ diễn ra vào ngày 20/02/2015, các đương sự cho rằng thời gian vay là bất hợp lý cũng đã được hỏi rõ tại phiên tòa để có căn cứ đánh giá về việc vay diễn ra vào thời gian nào?

Bà Nguyễn Thị N cho rằng không có việc vay Chị Hoàng Thị H mà đây là hình thức chuyển nợ từ bà D cho con gái, nhưng bà Nguyễn Thị N không đưa ra được tài liệu hoặc căn cứ chứng minh cho lời khai của bà.

Như vậy, với diễn biến tại phiên tòa, căn cứ vào Kết luận giám định của Viện khoa học kỹ thuật hình sự về Giấy vay nợ được chính bà Nguyễn Thị N viết, đã thể hiện chữ viết trong quyển sổ vay nợ; Thông báo về kết quả xác minh của Công an huyện Hữu Lũng ngày 25/4/2017 cho thấy bản án sơ thẩm nhận định và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Hoàng Thị H là có căn cứ. Nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị N là không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 bác toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không chấp nhận trả nợ cho nguyên đơn Hoàng Thị H, không chấp nhận chịu chi phí tố tụng và án phí vì cho rằng không được vay tiền của Chị Hoàng Thị H.

[3] Cũng tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm.

[4] Hội đồng xét xử, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật, đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, khách quan. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn hoàn trả tiền vay, lãi suất, chi phí tố tụng và án phí là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Các căn cứ của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đưa ra làm căn cứ kháng cáo tại Tòa. Hội đồng xét xử, thấy rằng: Cần làm rõ nội dung bà Nguyễn Thị N có bị lừa dối ép buộc hay không?

[6] Theo bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà D đập bàn, dọa dẫm, ép buộc bà Nguyễn Thị N viết giấy nợ tiền, chuyển từ việc bà Nguyễn Thị N nợ bà D sang nợ Chị Hoàng Thị H là con của bà D; sau khi viết xong giấy nợ tiền thì bà D không trả lại giấy nợ cũng như gạch sổ nợ giữa bà Nguyễn Thị N và bà D để bà D đòi tiền bà Nguyễn Thị N phải trả nợ hai lần; giấy vay nợ ghi ngày 20/02/2015 do bà Nguyễn Thị N viết, nhưng ngày 20/2/2015 dương lịch ghi trong giấy vay là ngày mùng 02 tết âm lịch cổ truyền, dân gian, không có việc bà Nguyễn Thị N vay tiền Chị Hoàng Thị H vào ngày này. Hơn nữa, Chị Hoàng Thị H là giáo viên phải đứng lớp suốt giờ hành chính nên không thể ra Ngân hàng và gặp bà Nguyễn Thị N lúc 15 giờ 30 phút chiều. Chị Hoàng Thị H là giáo viên, có trình độ hiểu biết nhất định, không thể nói bà Nguyễn Thị N ghi nhầm ngày âm và ngày dương; Chị Hoàng Thị H phải biết việc bà Nguyễn Thị N vay tiền bà D; bà Nguyễn Thị N không có khả năng trả nợ bà D thì con gái bà D là Chị Hoàng Thị H cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền lớn là vô lý; từ ngày 20/02/2015 Chị Hoàng Thị H cầm giấy vay nợ cho đến khoảng tháng 6/2016 không có phản ứng gì về nội dung ghi trong giấy nợ; bà Nguyễn Thị N không làm giả giấy tờ, ghi chèn vào giấy nợ để nộp làm chứng cứ chứng minh chuyển chủ nợ từ bà D sang con bà D là Chị Hoàng Thị H, đây là sổ theo dõi của bà Nguyễn Thị N có bà D ký khi trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị N tự ghi vào mang tính chất ghi chú để tự bà Nguyễn Thị N biết, việc đánh giá chứng cứ là do Tòa.

[7] Theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Không có việc chuyển chủ nợ từ bà D sang cho Chị Hoàng Thị H để đòi nợ bà Nguyễn Thị N hai lần phải trả nợ; bà Nguyễn Thị N vay tiền Chị Hoàng Thị H lúc nào thì bà D không biết; bà D cho bà Nguyễn Thị N vay tiền thì Chị Hoàng Thị H cũng không biết; bà Nguyễn Thị N đã khẳng định tại biên bản phiên tòa sơ thẩm là bà Nguyễn Thị N ghi ngày âm, trong các giao dịch vay nợ bà Nguyễn Thị N hay ghi ngày âm; không có việc ép buộc bà Nguyễn Thị N viết giấy vay nợ, đây là bà Nguyễn Thị N tự viết đã được công an huyện Hữu Lũng kết luận không có căn cứ khẳng định là bà Nguyễn Thị N bị ép buộc viết giấy vay nợ; đã có kết luận giám định chữ viết; đã có chị Z làm chứng tại Công an huyện Hữu Lũng; ngoài ra bà Nguyễn Thị N còn làm giả giấy tờ, ghi chèn vào giấy nợ để nộp làm chứng cứ chứng minh chuyển chủ nợ từ bà D sang con bà D là Chị Hoàng Thị H.

[8] Bản thân bà Nguyễn Thị N cũng thừa nhận giấy vay tiền đề ngày 20/2/2015 do bà Nguyễn Thị N viết và ký vào phần người vay tiền. Nội dung giấy vay thể hiện rõ việc bà Nguyễn Thị N đã nhận đủ tiền vay. Lời khai của bà Nguyễn Thị N khai có nhiều mâu thuẫn, không đồng nhất về người chứng kiến; bà Nguyễn Thị N cho rằng, sau khi bị ép buộc viết giấy vay, bà Nguyễn Thị N không nói sự việc trên với bất kỳ ai hay với cơ quan, tổ chức nào, khoảng hơn một năm sau, bà Nguyễn Thị N mới yêu cầu Công an huyện Hữu Lũng can thiệp về việc bị ép buộc viết giấy vay và Công an huyện Hữu Lũng xác định việc giao dịch giữa các bên là giao dịch dân sự, không có việc bà Nguyễn Thị N bị ép buộc viết giấy vay nợ. Như vậy, không có căn cứ cho rằng bà Nguyễn Thị N bị bà D ép viết giấy vay nợ. Trong trường hợp này, không bị ép viết giấy vay nợ thì cũng không thể bị lừa dối bởi vì nội dung trong giấy là do tự tay bà Nguyễn Thị N viết ra.

[9] Việc giấy vay nợ đề ngày 20/02/2015 dương lịch bà Nguyễn Thị N cho là không đúng thì Chị Hoàng Thị H cũng thừa nhận là không đúng. Tại Tòa bà D cho rằng bà Nguyễn Thị N hay dùng ngày âm khi ghi chép về các khoản vay nợ cho nên giấy vay nợ đề ngày 20/02/2015 phải là ngày âm lịch, tính ra ngày dương lịch là ngày 08/4/2015; bà Nguyễn Thị N cũng thừa nhận là có lúc ghi ngày âm và có lúc ghi ngày dương.

[10] Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, cho rằng: Chị Hoàng Thị H là người có trình độ, không có phản ứng gì khi ghi sai ngày trong giấy vay nợ; Chị Hoàng Thị H là giáo viên phải đứng lớp suốt giờ hành chính nên không thể ra Ngân hàng và gặp bà Nguyễn Thị N lúc 15 giờ 30 phút chiều; Chị Hoàng Thị H phải biết được bà Nguyễn Thị N nợ bà D tiền; Chị Hoàng Thị H biết bà Nguyễn Thị N chưa trả nợ được cho bà D mà vẫn cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền lớn là vô lý, đây chỉ là suy luận chủ quan, không có căn cứ chứng minh.

[11] Về thời gian vay: Chị Hoàng Thị H yêu cầu tính lãi kể từ ngày 20/02/2015 âm lịch, dương lịch là ngày 08/4/2015 là phù hợp.

[12] Đối với yêu cầu trả lãi trong hạn và lãi quá hạn: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để giải quyết, cụ thể: số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 20/02/2015 âm lịch tức 08/4/2015 dương lịch đến ngày 08/4/2016 dương lịch là $9\% \times 150\% = 13,5\%/năm \times 250.000.000đ \times 12 \text{ tháng} = 33.750.000 \text{ đồng}$. Lãi quá hạn là: $250.000.000đ \times 9\% \times 30 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 57.562.500 \text{ đồng}$ là phù hợp với quy định của pháp luật. Tổng cộng tiền lãi là: 91.312.500 đồng.

[13] Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị N phải trả nợ tổng số tiền gốc và lãi cho Chị Hoàng Thị H 341.312.500 đồng là có căn cứ.

[14] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng nên không có căn cứ để sửa án sơ thẩm về nội dung này.

[15] Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị N, cần giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm.

[16] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[17] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[18] Ý kiến của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; vào khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ vào các Điều 471, 473, 474, 476; Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466; 468; Điều 357; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Hoàng Thị H, buộc bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm thanh toán cho Chị Hoàng Thị H số tiền nợ cả gốc và lãi là 341.312.500đ (Ba trăm bốn mươi một triệu, ba trăm mười hai ngàn, năm trăm đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do thời gian chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng cho hoạt động trung cầu giám định với tổng số tiền là 6.050.000đ. Số tiền trên bà Nguyễn Thị N đã thanh toán đủ trong quá trình tiến hành tố tụng.

Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Buộc Chị Hoàng Thị H phải chịu 1.581.000đồng (Một triệu năm trăm tám mươi một ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung ngân sách Nhà nước. Số tiền án phí Chị Hoàng Thị H phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/04659 ngày 26/3/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H1, tỉnh Lạng Sơn, sau khi khấu trừ, hoàn trả cho Chị Hoàng Thị H 4.669.000đồng (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng) án phí đã nộp.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 17.065.600đ (Mười bảy triệu không trăm sáu mươi năm ngàn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung ngân sách Nhà nước.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà Nguyễn Thị N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/0000887 ngày 15/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H1, tỉnh Lạng Sơn;

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (12/4/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện H1, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự, HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiêm